

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH - MẠNG INTERNET

# GIÁO TRÌNH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ

## NỘI DUNG

TS. HÀ THỊ NGỌC OANH  
NĂM 2006

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH - MẠNG INTERNET

Gồm hai phần:

### Phần 1: Đầu Tư Quốc Tế

- Chương 1 : Những Vấn Đề Chung
- Chương 2 : Các Hình Thức Đầu Tư Quốc Tế  
Và Tác Dụng Của Chúng
- Chương 3 : Các Khu KT Có Liên Quan Đến ĐTNN
- Chương 4 : Viện Trợ Quốc Tế
- Chương 5 : Các Vấn Đề Về Công Nghệ  
Và Chuyên Giao Công Nghệ
- Chương 6 : Tình Hình ĐTQT Tại Việt Nam

### Phần 2: Dự Án Đầu Tư Quốc Tế

- Một Số Khái Niệm
- Nội Dung Dự Án Đầu Tư Quốc Tế
- Hồ Sơ Dự Án Đầu Tư Quốc Tế
- Thẩm Định Dự Án Đầu Tư Quốc Tế

In 2.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm. Tái bản lần 2, ngày 26 tháng 8 năm 2006.  
Lưu hành nội bộ.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA**  
**QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**  
**CHƯƠNG 1**

**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

**1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM**

- Đầu tư kinh tế là sự bỏ vốn vào hoạt động kinh tế nhằm mục đích tạo ra sản phẩm cho xã hội và sinh lợi (cho chủ đầu tư).
- Người bỏ vốn đầu tư được gọi là nhà đầu tư hay chủ đầu tư; Đối tượng được bỏ vốn đầu tư thuộc quyền sở hữu của người đầu tư.
- Vốn đầu tư có thể là:
  - Tài sản hữu hình
  - Tài sản vô hình
- Phân loại về đầu tư: Theo phạm vi quốc gia, có 2 loại đầu tư:
  - Đầu tư trong nước.
  - Đầu tư ra nước ngoài.
- Đầu tư ra nước ngoài: Là những phương thức bỏ vốn của chủ đầu tư vào sản xuất – kinh doanh dài hạn ở nước ngoài nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận và đạt được những mục tiêu KT – xã hội nhất định.
- Đầu tư quốc tế: Là quá trình cùng tiến hành đầu tư của các bên có quốc tịch khác nhau

**2. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ QUỐC TẾ**

- Môi trường đầu tư quốc tế là tổng thể những tác động bên trong và bên ngoài nước sở tại làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài.
- Để tăng cường thu hút ĐTNN phải:
  - Sớm công bố kế hoạch đầu tư
  - Tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi
- Môi trường đầu tư quốc tế bao gồm:
  - Những tác động bên trong
  - Tác động bên ngoài

Những tác động bên trong

- Hệ thống chính trị

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA**  
**QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

- Chính sách vĩ mô trong tiếp nhận ĐTQT:
  - Những tác động hỗ trợ nhà đầu tư
  - Rào cản đối với môi trường đầu tư

So sánh thủ tục đối với nhà ĐT

	Th.g hoàn tất thủ tục đăng ký tài sản	Số thủ tục thành lập DN	Th.g hoàn thành thủ tục thành lập	Th.g hoàn tất thủ tục đóng cửa, giải thể
Việt Nam	67 ngày	11 thủ tục	50 ngày	5 năm
Malaysia	143 ngày	9 thủ tục	30 ngày	2,2 năm
Singapore	9 ngày	6 thủ tục	6 ngày	0,8 năm
Thái Lan	2 ngày	8 thủ tục	33 ngày	2,7 năm

- Nguồn lực vật chất: Tài nguyên thiên nhiên và con người
- Môi trường cạnh tranh trong nội bộ ngành (Nhà đầu tư ngại khi đầu tư vào những lĩnh vực/mặt hàng có cạnh tranh khốc liệt).
- Sự nỗ lực của nhà đầu tư: Hoạch định các chiến lược đầu tư đúng hướng

Các nhân tố thu hút ĐTNN

CS thu hút FDI	Các nhân tố KT		Điều kiện T.M
	Phân loại FDI	Các nhân tố KT	
Ổn định C.trị – XH. Quy định liên quan đến hoạt động ĐT. Thỏa thuận quốc tế về FDI Các ch/s đầu tư và thương mại.	Tìm thị trường	+ Thu nhập đầu người. + Mức tăng trưởng. + Sức cạnh tranh TT	+ Chính sách ưu đãi. + Tiêu cực phí. + Tiềm nghi xã hội
	Tìm nguồn lực	+ Nguồn nguyên liệu. + Lao động (phổ thông, chuyên môn) + Công nghệ	
	Tìm hiệu quả	+ Các chi phí + Tham gia liên kết khu vực .	

Tác động bên ngoài:

- Môi trường thương mại – KT quốc tế:

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Quan hệ giữa 2 nước
- Mức độ hội nhập KT thế giới và khu vực của nước nhận đầu tư.
- Môi trường tài chính quốc tế:
  - Hệ thống tiền tệ quốc tế và các qui định – luật lệ quốc tế
  - Hệ thống tỉ giá thả nổi có điều kiện/ Hệ thống tỉ giá linh hoạt
  - Những qui định của WTO
- Những qui định của WTO liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài:
  - Nguyên tắc “Không phân biệt đối xử”
  - Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIMs)
  - Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs)
  - Tính minh bạch trong cơ chế thị trường

Lưu ý với DN VN: muốn tránh rủi ro, nhà đầu tư phải đăng ký bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp (SHCN) và sở hữu trí tuệ (SHTT) nhằm tạo lập một cơ sở pháp lý bảo hộ cho sản phẩm.

Nguyên nhân hình thành ĐTQT:

- Do xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa
- Do sự phát triển không đều về khoa học - kỹ thuật
- Chống lại xu thế bảo hộ mậu dịch

### 3. NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHÚ Ý CỦA CHƯƠNG 1

- Đầu tư quốc tế là xu hướng tất yếu
- Muốn thu hút đầu tư quốc tế phải lập kế hoạch, qui hoạch hàng năm.
- Nước nào có môi trường đầu tư thông thoáng sẽ thu hút nhà đầu tư nhiều hơn.
- Tiếp nhận đầu tư quốc tế phải vừa thoả mãn yêu cầu phát triển kinh tế quốc gia, vừa đáp ứng yêu cầu quốc tế.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET  
CHƯƠNG 2

## CÁC HÌNH THỨC ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ TÁC DỤNG CỦA CHÚNG

### 1. CÁC HÌNH THỨC ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA TƯ BẢN TƯ NHÂN NƯỚC NGOÀI (FDI)

Xét theo tỉ lệ bỏ vốn của nhà đầu tư nước ngoài, có 4 hình thức:

- Hợp tác kinh doanh trên cơ sở Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Doanh nghiệp liên doanh.
- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.
- Hợp tác liên danh

#### 1.1. HỢP TÁC KINH DOANH TRÊN CƠ SỞ HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh: Là văn bản được ký kết giữa hai bên hay nhiều bên có quốc tịch khác nhau để cùng nhau tiến hành một hoặc nhiều hoạt động tại nước nhận đầu tư trên cơ sở quy định trách nhiệm và phân chia kết quả kinh doanh cho mỗi bên, mà không thành lập một xí nghiệp mới hoặc bất cứ một pháp nhân mới nào.

Nội dung chủ yếu

- Đại diện có thẩm quyền của các bên
- Mục tiêu và phạm vi hoạt động.
- Quyền, nghĩa vụ các bên
- Phân chia kết quả kinh doanh.
- Sản phẩm chủ yếu và phân chia thị trường tiêu thụ.
- Thời hạn hợp tác kinh doanh/ thực hiện hợp đồng (bắt đầu tính từ ngày được cấp giấy phép đầu tư).
- Điều kiện chuyển nhượng.
- Chấm dứt Hợp đồng.
- Giải quyết tranh chấp

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

1.2. DOANH NGHIỆP LIÊN DOANH (JOIN VENTURE COMPANY)

Đặc điểm:

- Có tư cách pháp nhân.
- Mỗi bên phải chịu trách nhiệm với Liên doanh và với bên kia
- Vốn pháp định của liên doanh tùy theo qui định của nước nhận đầu tư
- DNLD hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính.
- Tỷ lệ góp vốn của mỗi bên do các bên thỏa thuận.
- Thời gian hoạt động dài

1.3. DOANH NGHIỆP 100% VỐN NƯỚC NGOÀI

Bản điều lệ công ty phải ghi rõ:

- Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân tại nước sở tại.
- Tên và tư cách pháp nhân của DN tại nước gốc.
- Tên và tư cách pháp nhân của DN tại nước sở tại.
- Quốc tịch, địa chỉ, đại diện hợp pháp của DN tại nước sở tại.
- Mục tiêu và phạm vi kinh doanh
- Thời hạn hoạt động tại nước nhận đầu tư.
- Đồng tiền sử dụng trong quá trình hoạt động của DN.
- Các qui định về tài chính

Đặc điểm của DN 100% vốn nước ngoài

- Chủ đầu tư nước ngoài bỏ ra toàn bộ vốn đầu tư.
- Các chuyên gia trong doanh nghiệp là những chuyên viên có kinh nghiệm chuyên môn và có tính chuyên nghiệp quốc tế.
- Những thành phần tham gia:
  - Giám đốc dự án.
  - Giám đốc kỹ thuật.
  - Giám đốc điều hành.
  - Giám đốc tài chính.
  - Giám đốc phụ trách về các điều luật
  - Ban quản lý – huấn luyện về các vấn đề kỹ thuật.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

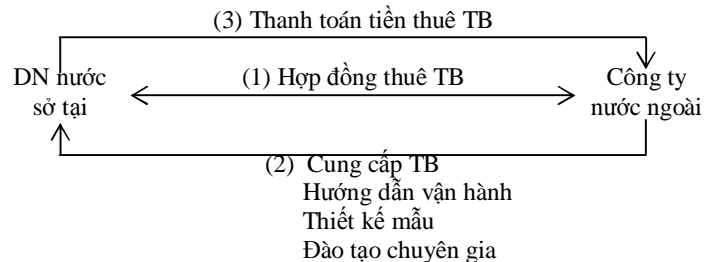
1.4. HỢP TÁC LIÊN DANH (CODE SHARE)

- Thời gian đầu khai thác sản phẩm và dịch vụ dựa trên nhãn hiệu, thương hiệu của bên nào đã có tiếng tăm trước. Sau 1 khoảng thời gian nhất định, việc khai thác dịch vụ – sản phẩm sẽ tiếp tục với nhãn hiệu, ký mã hiệu, thương hiệu của đối tác kia.
- Không góp vốn kinh doanh
- Phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận
- Không thành lập pháp nhân mới.

Một số loại hình FDI đặc biệt

- Hình thức đầu tư BOT (Built – Operate – Transfer)
  - BOT là hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư (nhà thầu) và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xây dựng hoặc nâng cấp một công trình. Trong đó nhà thầu bỏ ra 100% vốn đầu tư; được quyền sở hữu, quản lý và làm chủ độc quyền đối với tài sản của đối tượng được đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định (được phép kinh doanh và khai thác công trình) - đủ để thu hồi vốn và có lợi nhuận thỏa đáng; Chủ đầu tư sẽ chuyển giao tài sản cho Nhà nước của nước sở tại khi kết thúc hợp đồng.
  - Đối tượng đầu tư là các công trình hạ tầng KT.
- Hợp đồng phân chia sản phẩm (Production Sharing Contract – PSC): Hợp đồng quy định nhà đầu tư bỏ 100% vốn để tìm kiếm, thăm dò tài nguyên ở nước sở tại. Tiền bán sản phẩm thỏa thuận phân chia theo nguyên tắc:
  - Nước chủ nhà được hưởng tỷ lệ lớn tiền bán sản phẩm đối với mỏ có trữ lượng lớn; và hưởng tỷ lệ nhỏ hơn đối với mỏ có sản lượng nhỏ.
  - Nếu không tìm thấy sản phẩm hoặc không đủ sản lượng công nghiệp để khai thác, nhà đầu tư phải chịu 100% rủi ro.
- Thuê tài chính: Theo Nghị định 64/CP của Chính phủ (9/10/1995): “Cho thuê tài chính là một hoạt động tín dụng trung, dài hạn thông qua việc thuê máy móc – thiết bị và các động sản khác. Bên cho thuê cam kết mua máy móc – thiết bị và động sản theo yêu cầu của bên thuê và nắm quyền sở hữu đối với tài sản cho thuê. Bên thuê sử dụng tài sản thuê và không được hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được chuyển quyền sở hữu, mua lại hoặc tiếp tục thuê tài sản đó theo các điều kiện đã được thỏa thuận trong hợp đồng thuê”.
  - Thuê thiết bị (thuê vận hành)

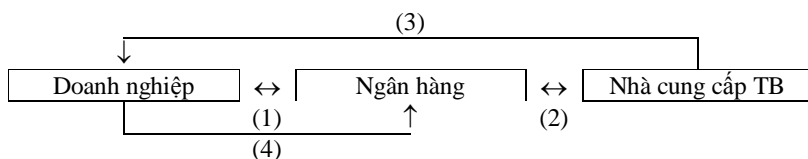
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**



Những lợi ích

Đối với bên cho thuê TB	Đối với công ty thuê thiết bị
+ Yên tâm về nguồn hàng, chất lượng và tiến độ giao hàng. + Thiết bị được bảo quản, bảo trì theo chế độ nhất định. + Có nguồn thu nhập ổn định.	+ Giải quyết trước mắt vấn đề thiếu vốn, thiếu công nghệ. + Tránh được rủi ro khi mua thiết bị mới. + Nhược điểm: bên cho thuê có thể chuyên giao thiết bị lạc hậu.

- Thuê mua: Có 2 nghiệp vụ cụ thể:
  - ◆ Cho thuê hoạt động
  - ◆ Cho thuê trả góp



Quy chế về thuê MMTB

Bên cho thuê	Bên thuê
+ Bảo quản, sửa chữa. + Có quyền thu hồi lại MMTB cho thuê. + Được nhận tiền cho thuê bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. + Có nghĩa vụ bảo hiểm đối với tài sản cho thuê. + Có nghĩa vụ hướng dẫn lắp đặt, vận hành chạy thử MMTB...	+ Phải có dự án + HĐ gia công với nước ngoài. + Được mua lại MMTB + Phải sử dụng đúng mục đích + Chịu mọi rủi ro về MMTB + Chịu trách nhiệm bảo trì. + Không được chuyển nhượng hoặc cho thuê lại. + Không được dùng MMTB làm tài sản cầm cố, thế chấp...

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

	+ Thanh toán tiền thuê.
--	-------------------------

**2. ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP**

Là khoản đầu tư được thực hiện thông qua một định chế tài chính trung gian (như quỹ đầu tư); hoặc nhà đầu tư bỏ vốn mua cổ phần của một công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán ⇒ Đầu tư gián tiếp của Nhà ĐTNN:

- Mua cổ phần của DN trong nước
- Doanh nghiệp cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài

**3. VAI TRÒ VÀ TÁC DỤNG CỦA FDI**

Đối với nước nhận đầu tư	Đối với nhà đầu tư
+ Bổ sung cho nguồn vốn trong nước. + Thúc đẩy quá trình sử dụng vốn nội địa có hiệu quả + Là cầu nối với thị trường thế giới + Là động lực phát triển nhanh MNC. + Giải quyết một số vấn đề KT-XH + Tăng thu ngân sách	+ Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư + Phân tán rủi ro trong đầu tư + Thị trường nguyên liệu ổn định. + Bành trướng sức mạnh về kinh tế

Một số hạn chế:

- Công ty nước ngoài sẽ chi phối hoạt động kinh tế của nước sở tại.
- Tạo ra môi trường cạnh tranh khốc liệt.
- Dễ rơi vào tình trạng thâm hụt cán cân thanh toán
- Dễ rơi vào tình trạng NK thiết bị lạc hậu.

**4. MỤC ĐÍCH VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐTNN**

Đối với nước nhận đầu tư	Đối với nhà đầu tư nước ngoài	Đối với nước nhận đầu tư
Mục đích nhận đầu tư: Xác định qua mục tiêu phát triển KT-xã hội.	Mục đích đầu tư: Thu lợi nhuận tối đa.	Mục đích nhận đầu tư: Xác định qua mục tiêu phát triển KT - xã hội.

**5. TÌNH HÌNH FDI TRÊN THẾ GIỚI**

Xu hướng chung:

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

- Các nước trong khu vực ngày càng gia tăng đầu tư lẫn nhau (ASEAN; EU; NAFTA...)
- Các nước tăng cạnh tranh trong thu hút ĐTNN .
- Nguồn vốn FDI tập trung vào 2 khu vực: các nước tư bản phát triển và các nước châu Á đang phát triển.
- Các MNC đóng vai trò quan trọng
- Các nước có xu hướng chuyển vốn đầu tư từ “nền KT công nghiệp” sang “nền KT tri thức”.

Những đặc trưng của KTCN và KTTT

	Kinh tế công nghiệp	Kinh tế tri thức
Ngành chủ lực	CN chế tạo	CN cao
Hậu quả	Tiêu hao nhiều NVL	Không hao phí NVL.
Đặc điểm	Chuyên v/chất thành s.p	Chuyên tri thức thành s.p
Yêu cầu s.p	To – Bền – Chắc.	Đẹp – Tiện lợi
Tuổi thọ s.p	Dài.	Ngắn.
Lợi thế	Giàu tài nguyên	Giàu tri thức

Những quốc gia và khu vực thu hút ĐTNN mạnh nhất

- Ở Châu Á, đứng đầu các quốc gia thu hút ĐTNN là Trung Quốc, Ấn Độ, tiếp theo là Singapore và Thái Lan. Nhiều công ty Mỹ có xu hướng tích cực đầu tư vào thị trường Châu Á
- Xu hướng tăng FDI từ các nước Đông Á sang Châu Âu
- Khu vực Mỹ La tinh:
  - Trước những năm 1980: Đã có một số nhà ĐTNN đến nhưng phong trào chưa mạnh.
  - Từ năm 1992, do xuất hiện Khu vực NAFTA, nhiều nhà đầu tư Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, TQ đã chú ý đến khu vực này nhiều hơn.
  - Châu Phi: Là “Biên giới cuối cùng” của các nhà ĐTNN

**6. NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHÚ Ý CỦA CHƯƠNG 2**

- Có nhiều hình thức ĐT của tư bản tư nhân.
- Mỗi hình thức có một tác dụng nhất định đối với cả bên ĐT và bên tiếp nhận ĐT.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

- Quốc gia nhận đầu tư khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư phát triển các loại hình đầu tư.
- Doanh nghiệp lựa chọn đối tác đầu tư phù hợp với khả năng hợp tác của mình.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET  
CHƯƠNG 3

**CÁC KHU KT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐTQT**

1. KHU CHẾ XUẤT(EXPORT PROCESSING ZONE-EPZ)

- Bản chất là KCN tập trung chuyên sản xuất/xử lý hàng XK
- Vai trò và ý nghĩa của KCX:
  - Xúc tiến, đẩy mạnh sản xuất trong nước
  - Mở rộng thị trường quốc tế và xúc tiến hợp tác quốc tế
  - Góp phần tăng thu nhập cá nhân, phần vinh kinh tế địa phương
  - Góp phần đáng kể trong việc tích lũy ngoại tệ cho NSNN
  - KCX trợ giúp công nghiệp truyền thống hiện có trong nước; Là cầu nối đặc lực trong việc du nhập công nghệ kỹ thuật cao
  - Các KCX cho hiệu quả cao về sử dụng đất

2. KHU CÔNG NGHIỆP (INDUSTRIAL PARK)

KCN tập trung là một khu vực lãnh thổ được phân chia và phát triển có hệ thống, theo kế hoạch tổng thể nhằm cung ứng các thiết bị kỹ thuật cần thiết, cơ sở hạ tầng phục vụ công cộng phù hợp với sự phát triển của liên hiệp các ngành công nghiệp.

DN KCX	DN KCN
<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Được miễn thuế XNK</li><li>▪ Được miễn thuế TNDN</li><li>▪ Sản phẩm chi đề XK</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Không được miễn thuế XNK</li><li>▪ Thời gian miễn thuế TNDN ngắn hơn</li><li>▪ Sản phẩm vừa bán trong nội địa vừa XK</li></ul>

3. KHU THƯƠNG MẠI TỰ DO (FREE TRADE ZONE - FTZ)

Thường được lập ở những vùng buôn bán quốc tế hoặc vùng biên giới quốc gia. Khu vực buôn bán tự do, hàng hóa được miễn thuế XNK.

Các ch/s ưu đãi thường được áp dụng:

- Hàng hóa từ nội địa và hàng NK từ nước ngoài được miễn thuế.
- Hàng hoá từ FTZ đưa vào thị trường nội địa được giảm thuế NK so với mức hiện hành.
- Hàng hóa - dịch vụ phục vụ gia công, tái chế, lắp ráp tại FTZ khi XK được miễn thuế XK

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

4. ĐẶC KHU KT (ĐKKT) – KHU KT TỔNG HỢP (SPECIAL ECONOMIC ZONE – SEZ)

4.1. KHU KINH TẾ MỞ

Một khu vực có cảng biển, sân bay và khu thương mại tự do đạt tiêu chuẩn quốc tế và được vận hành theo một cơ chế đặc biệt được gọi là khu KT mở.

Đặc điểm:

- Là khu vực phát triển hướng ngoại.
- Tạo tiền đề và thúc đẩy nhanh quá trình hội nhập quốc tế.
- Khai thác tối đa và có hiệu quả lợi thế quốc gia.
- Có cơ chế quản lý nhà nước đặc biệt.

4.2. ĐẶC KHU KINH TẾ (SEZ)

“Đặc khu KT là một bộ phận lãnh thổ thuộc chủ quyền của quốc gia, có ranh giới địa lý xác định, có không gian KT – xã hội riêng; được vận hành bởi khung pháp lý riêng và điều kiện vật chất hiện đại, thích hợp cho hoạt động cơ chế thị trường, do quốc hội thành lập.”

Từ cuối năm 1978, những Đặc khu KT của TQ là nơi khởi đầu quá trình gọi vốn ĐTNN/là những vùng kinh tế đặc biệt:

- Chịu sự chỉ đạo của nhà nước.
- Hoạt động dựa vào điều tiết thị trường; chịu sự chi phối trực tiếp của thị trường thế giới

5. KHU CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CAO (HIGH TECHNOLOGY ZONE - HTZ)

"Khu công nghệ cao" là khu KT - kỹ thuật đa chức năng, có ranh giới xác định, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, nhằm nghiên cứu - phát triển và ứng dụng công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, đào tạo nhân lực công nghệ cao và sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ cao.

Tính cần thiết khách quan phải phát triển CNC: để thỏa mãn yêu cầu sản phẩm có sức cạnh tranh cao và giá rẻ khi hội nhập.

Các lĩnh vực công nghệ cao ở Khu CNC theo thứ tự ưu tiên

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

- Phần mềm máy tính.
- Công nghệ tin học (IT)
- Cơ học điện tử
- Công nghệ sinh học
- Vật liệu mới và năng lượng mới

Khu CNC gắn liền với:

- "Công nghệ cao": công nghệ được tích hợp từ các thành tựu khoa học và CN tiên tiến, có khả năng tạo ra sự tăng đột biến về NSLĐ, tính năng, chất lượng s.p....
- "Sản phẩm công nghệ cao" là sản phẩm tạo ra nhờ áp dụng CNC.

Lộ trình phát triển các ngành công nghệ cao

- Giai đoạn đầu: do các doanh nghiệp FDI thực hiện.
  - Giai đoạn 2: Sản xuất các bộ phận rời và các linh kiện
- ⇒ Phát triển sản phẩm và các sản phẩm cải tiến.

- Giai đoạn 3: Phát triển công nghệ cao gốc
- ⇒ Sản phẩm được thực hiện tại các Viện nghiên cứu và DN trong khu CNC

**6. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÁC LOẠI HÌNH KHU KT Ở VN**

Khả năng phát triển KCX - KCN ở VN:

Về mặt quản lý nhà nước	Về chất lượng và khả năng
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Điều kiện CT – XH ổn định.</li> <li>▪ Thủ tục hành chính có đổi mới về chất lượng.</li> <li>▪ Giá thuê đất hạ và dịch vụ tốt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ VN ở trung tâm Đông Nam Á</li> <li>▪ Qui mô lãnh thổ tương đối lớn</li> <li>▪ Dân số đông</li> <li>▪ Có tiềm năng xây dựng cảng quốc tế</li> <li>▪ Tiềm năng điện lực lớn</li> <li>▪ Cán bộ khoa học giàu chất xám.</li> </ul>

Mục tiêu xây dựng khu công nghệ cao ở VN

- Góp phần xây dựng năng lực nghiên cứu trong lĩnh vực CNC.
- Tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động đầu tư

TS. HÀ THỊ NGỌC OANH  
NĂM 2006

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

- Thu hút nhân lực công nghệ cao trong và ngoài nước.
- Gắn kết giữa nghiên cứu - phát triển CNC với sản xuất - dịch vụ

Đầu tư ở Khu CNC được khuyến khích phát triển

Các lĩnh vực đầu tư	Lĩnh vực CNC khuyến khích đầu tư
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ XD và KD hạ tầng.</li> <li>▪ Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ cao.</li> <li>▪ Nghiên cứu khoa học và phát triển CNC.</li> <li>▪ Ươm tạo doanh nghiệp CNC và xúc tiến thương mại CNC.</li> <li>▪ đ) Cung cấp các dịch vụ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Công nghệ thông tin; phần mềm tin học.</li> <li>▪ Công nghệ sinh học.</li> <li>▪ Công nghệ vi điện tử, cơ khí chính xác, cơ - điện tử...</li> <li>▪ Công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano.</li> <li>▪ đ) Công nghệ môi trường, công nghệ năng lượng mới.</li> </ul>

Một số ưu đãi ở Khu CNC

Khu CNC Hòa Lạc	Khu CNC Tp.HCM
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Miễn thuế VAT.</li> <li>▪ Miễn thuế XNK đối với sản phẩm phần mềm tin học.</li> <li>▪ Nếu là mở rộng đầu tư, tăng thêm 5 năm miễn thuế TNDN.</li> <li>▪ Giảm 50% tiền thuê đất cho DN kinh doanh CSHT</li> <li>▪ Giảm 50% thuế thu nhập.</li> <li>▪ Người làm việc trong Khu CNC Hòa Lạc được quyền cư trú.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Bốn ngành mũi nhọn tập trung đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> <li>▫ Điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông.</li> <li>▫ Công nghệ sinh học ứng dụng vào nông nghiệp, dược phẩm, y học.</li> <li>▫ Cơ khí chính xác, tự động hóa.</li> <li>▫ Vật liệu mới và năng lượng sạch</li> </ul> </li> <li>▪ Những ưu đãi: <ul style="list-style-type: none"> <li>▫ Thuế suất thuế TNDN là 10%; miễn thuế 4 năm từ khi có thu nhập; giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.</li> <li>▫ Được hưởng ưu đãi TD hỗ trợ XK.</li> </ul> </li> </ul>

In 2.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm. Tái bản lần 2, ngày 26 tháng 8 năm 2006.  
Lưu hành nội bộ.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

Một số qui định của Nhà nước VN đối với các dự án đầu tư vào khu CNC:  
Theo Nghị định 99/2003/NĐ - CP, ngày 28/8/2003 về Ban hành Qui chế Khu CNC

(www.mpi.gov.vn/Bangbieu/E4D8C\_ND99.2003.CP.doc)

**7. NHỮNG NỘI DUNG CẦN CHÚ Ý CỦA CHƯƠNG 3**

- KCX – KCN – Khu Kinh tế mở – Đặc khu kinh tế... là những nơi tranh thủ nguồn lực ĐTNN hữu hiệu.
- Các khu hoạt động kinh tế là nơi tập trung phát triển kinh tế, là nơi giao lưu quốc tế thuận tiện.
- Các khu kinh tế là nơi đẩy nhanh quá trình CNH – HDH quốc gia.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET  
CHƯƠNG 4**

**VIỆN TRỢ QUỐC TẾ**

**1. KHÁI NIỆM VÀ BẢN CHẤT**

Là nguồn vốn dành cho các nước đang và kém phát triển, được các cơ quan chính thức của các CP trung ương và địa phương hoặc các cơ quan thừa hành của CP, các tổ chức liên CP, các tổ chức NGO tài trợ.

Đặc điểm	Điều kiện được nhận viện trợ
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Do Chính phủ cấp hoặc các Tổ chức quốc tế cấp.</li> <li>▪ Không cấp cho dự án thương mại</li> <li>▪ Nhằm mục đích nhân đạo</li> <li>▪ Có tính ưu đãi cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Vị thế KT</li> <li>▪ Cải cách chính sách.</li> <li>▪ Sử dụng nguồn vốn hiệu quả.</li> <li>▪ Ổn định chính trị, kinh tế.</li> <li>▪ Cải thiện môi trường KD - ĐT</li> <li>▪ Cải cách DNNN; chú trọng phát triển KT tư nhân.</li> <li>▪ Cải cách quản lý nhà nước</li> </ul>

**2. PHÂN LOẠI ODA**

Theo tính chất khoản viện trợ	Viện trợ thông thường Viện trợ khẩn cấp
Theo phương thức hoàn trả	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Viện trợ không hoàn lại</li> <li>▪ Viện trợ có hoàn lại (tín dụng ưu đãi)</li> <li>▪ ODA hỗn hợp</li> </ul>
Theo mục tiêu sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hỗ trợ cân cân thanh toán</li> <li>▪ Tín dụng thương mại</li> <li>▪ Viện trợ chương trình</li> <li>▪ Viện trợ dự án</li> </ul>
Theo nguồn cung cấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Viện trợ song phương</li> <li>▪ Viện trợ đa phương</li> </ul>
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Theo tính chất khoản viện trợ</li> <li>▪ Theo phương thức hoàn trả</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>□ Các tổ chức tài chính quốc tế chủ yếu:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>◆ Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)</li> <li>◆ Ngân hàng thế giới (WB)</li> <li>◆ Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)</li> </ul> </li> <li>□ Viện trợ từ các tổ chức thuộc hệ thống LHQ (thường là viện trợ nhân đạo)</li> </ul>

**3. TÁC DỤNG CỦA ODA**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

		Mặt tích cực	Mặt hạn chế
Nhà tài trợ	Song phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tạo điều kiện cho DN đầu tư tích cực hơn.</li> <li>Có thể đạt mục đích chính trị.</li> <li>Nhà thầu của bên cung cấp giành quyền trực tiếp thực hiện dự án</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phân biệt đối xử với các nước tiếp nhận.</li> <li>Có thể bị lên án</li> </ul>
	Đa phương	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cao vị thế trong QHQT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thường đưa ra điều kiện ngặt nghèo đối với nước tiếp nhận.</li> <li>Quyền chi phối phụ thuộc vào sức nặng phiếu bầu.</li> </ul>
Bên tiếp nhận		<ul style="list-style-type: none"> <li>Là nguồn vốn bổ sung</li> <li>Đáp ứng nhu cầu về cân đối ngân sách và cán cân XNK.</li> <li>Giúp phục hồi giá trị nội tệ</li> <li>Nước nhận viện trợ có điều kiện xây dựng HTKT tốt hơn</li> <li>Giúp các nước đang phát triển cải cách hành chính</li> <li>Giúp cải thiện các điều kiện XH</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phải đáp ứng các yêu cầu của bên cấp ODA.</li> <li>Dễ xảy ra tham nhũng</li> <li>Tập trung ODA vào khu vực trọng điểm tạo nên sự mất cân đối</li> </ul>

4. TÌNH HÌNH CUNG CẤP, TIẾP NHẬN ODA TRÊN THẾ GIỚI

- Nhà tài trợ song phương lớn nhất: Hoa Kỳ và Nhật Bản
- Các tổ chức đa phương cung cấp ODA nhiều nhất là IMF, WB, (IFC), ADB, UNDP, WFP, FAO, UNHCR
- Khu vực tiếp nhận nhiều nhất:
  - Châu Á (TQ và Đông Nam Á)
  - Châu Phi (khu vực tập trung hầu hết các nước nghèo)

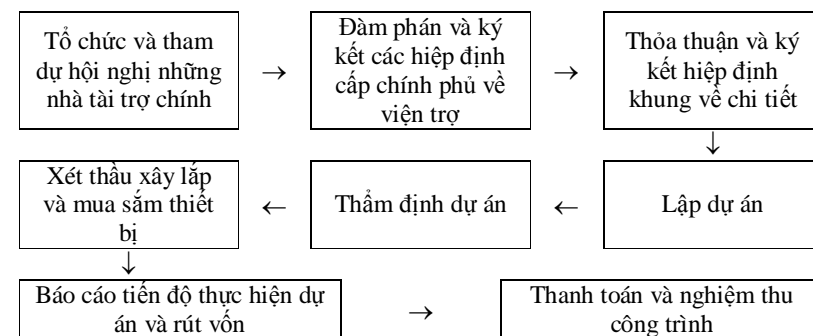
TS. HÀ THỊ NGỌC OANH  
NĂM 2006

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

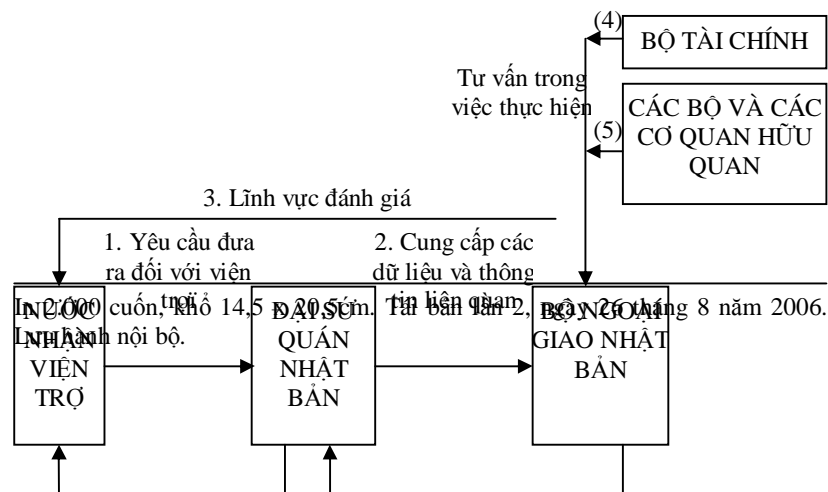
5. KINH NGHIỆM THU HÚT VÀ SỬ DỤNG ODA

Kinh nghiệm thành công	Những bài học thất bại
<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định đúng lĩnh vực ưu tiên đầu tư.</li> <li>Có biện pháp hữu hiệu ngăn chặn nạn tham nhũng</li> <li>Chuẩn bị tốt dự án xin viện trợ</li> <li>Quy định rõ nguyên tắc trong sử dụng vốn ODA</li> <li>Quy định hạn mức vay và trả nợ hàng năm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định không đúng hướng đầu tư</li> <li>Cơ cấu đầu tư bất hợp lý.</li> <li>Sử dụng vốn kém hiệu quả</li> </ul>

6. QUI TRÌNH TIẾP NHẬN ODA



Thủ tục viện trợ không hoàn lại. (Cho đến khi ký công hàm trao đổi)



Trong cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. Từ bản 1, Bộ 26/04/2004, ngày 8 năm 2006.

**NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ CÔNG NGHỆ  
VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ**

Quy trình làm thủ tục xin viện trợ ở VN đối với khoản vay theo dự án

Giai đoạn 1 → Giai đoạn 2 → Giai đoạn 3  
(Chuẩn bị đầu tư) (Trước khi rút vốn) (Rút vốn)

**7. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA CHƯƠNG 4**

- Nguồn vốn Viện trợ là nguồn bổ sung
- Tình hình kinh tế – Chính trị – xã hội càng ổn định càng tạo lòng tin và nhận viện trợ nhiều hơn.
- Vốn vay phải được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.
- Vốn cho không phải sử dụng tiết kiệm, không tham nhũng.
- Nhu cầu các nhà trợ khác nhau thì khác nhau

**1. MỘT SỐ THUẬT NGỮ**

- Công nghệ (Technology): Là tập hợp các phương pháp, qui trình, kỹ năng, bí quyết, công cụ phương tiện dùng để biến đổi các nguồn lực thành sản phẩm.
- Kỹ thuật: Là kỹ năng bắt tay vào thực hiện một công việc.
- Bí quyết: Là sự cải tiến về kiến thức và kỹ thuật riêng có của một người/một nhóm người

Khái niệm thích hợp nhất: Công nghệ là tập hợp các công cụ, phương tiện hoặc hệ thống các kiến thức nhằm biến các nguồn lực tự nhiên thành sản phẩm hàng hóa. Bao gồm:

- Thiết bị (phần cứng của Công nghệ)
- Thông tin
- Con người
- Trình độ quản lý Công nghệ

**2. CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ**

Khái niệm: Là quá trình chuyển giao một hệ thống kiến thức giữa bên giao và bên nhận để:

- Chế tạo ra một sản phẩm.
- Hoặc,
- Áp dụng một qui trình trong sản xuất. Hoặc,
  - Cung cấp một dịch vụ.

Theo ảnh hưởng của chính phủ vào quá trình CGCN	<ul style="list-style-type: none"><li>▪ CP tham gia đàm phán/ký hợp đồng CGCN</li><li>▪ CGCN giữa các tổ chức tư nhân</li></ul>
---	---

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

Theo đối tác	<div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">Cá nhân</div> <div style="text-align: center;"> </div> <div style="text-align: center;">Cá nhân</div> </div>
	<div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> <div style="text-align: center;">Tổ chức</div> <div style="text-align: center;"> </div> <div style="text-align: center;">Tổ chức</div> </div>
Theo phạm vi quan hệ giữa 2 bên	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ CGCN Bắc – Nam</li> <li>▪ CGCN nam – Nam</li> </ul>
Theo bản chất của hoạt động chuyển giao	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ CGCN theo nghĩa truyền thống</li> <li>▪ CGCN theo nghĩa tiếp thu</li> </ul>

**Mục tiêu CGCN**

- CGCN làm mất đi lợi nhuận độc quyền: là sự đánh cắp bí mật giữa các đối thủ cạnh tranh.
- CGCN làm sinh ra lợi nhuận độc quyền: CGCN giữa các xí nghiệp thành viên hoặc giữa công ty mẹ/công ty con.

**Công nghệ trong chuyển giao**

- Những yếu tố được chuyển giao:
  - Thiết bị và quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng SHTT
  - Mua bán các đối tượng SHCN khác
- Mối quan hệ giữa Sở hữu trí tuệ và CGCN:
  - Ý tưởng có giá trị thương mại là tài sản vô hình; được cấp giấy phép (Licence) trở thành SHTT.
  - CGCN thường kèm theo mua/bán các tài sản trí tuệ
- 3 loại SHTT khi CGCN:
  - Nhân hàng/nhãn hiệu TM/các dấu hiệu tương tự
  - Bằng sáng chế (Patent) và thiết kế
  - Bí mật thương mại/thông tin bí mật

**Các phương thức CGCN**

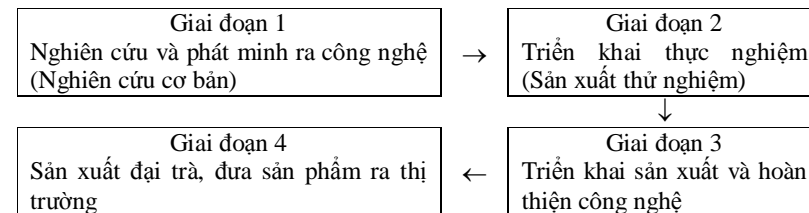
Theo mức độ chủ động của bên giao	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hợp đồng chìa khóa trao tay:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hợp đồng cung cấp từng phần (Partial Project)</li> <li>+ Hợp đồng cam kết trao tay (Turnkey Project).</li> <li>+ Partial Project và chuyển giao bí quyết công nghệ/Dịch vụ kỹ thuật (Turnkey plus Project).</li> </ul> </li> <li>2. Thiết kế ngược</li> <li>3. Công nghệ chuyển giao trong phạm vi quốc gia</li> </ol>
-----------------------------------	--

TS. HÀ THỊ NGỌC OANH  
NĂM 2006

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

Theo chiều sâu công nghệ chuyển giao	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuyển giao công nghệ dọc: Công nghệ đã hoặc đang trong quá trình nghiên cứu hoặc thực nghiệm.</li> <li>2. Chuyển giao ngang: công nghệ đã hoàn thiện và thương mại hóa tại ít nhất 1 lần</li> </ol>
--------------------------------------	--

**Các luồng công nghệ chuyển giao**



**Những yêu cầu đối với Công nghệ chuyển giao**

- Được các tổ chức có uy tín trên thế giới công nhận
- Trình độ công nghệ tương xứng với nền kinh tế.
- Quy trình công nghệ rõ ràng.
- Trang thiết bị hiện đại
- Tỷ lệ sử dụng nguyên vật liệu – phụ liệu trong nước.
- Tỷ lệ tự động, bán tự động của công nghệ
- Thích hợp với người lao động bên tiếp nhận.
- Bảo đảm các tiêu chuẩn về môi trường, cảnh quan.
- Giá cả phù hợp, tương xứng với giá cả thị trường.
- Sản phẩm của công nghệ đạt tiêu chuẩn.
- Chính sách hậu mãi.

**3. ĐÀM PHÁN VÀ KÝ HỢP ĐỒNG CGCN**

**Nội dung chính hợp đồng CGCN:**

- Giới thiệu các bên đối tác
- Các định nghĩa

In 2.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm. Tái bản lần 2, ngày 26 tháng 8 năm 2006.  
Lưu hành nội bộ.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

- Các đối tượng chuyên giao (Thiết bị và các đối tượng sở hữu công nghiệp).
- Các bí mật công nghệ, giải pháp kỹ thuật, qui trình công nghệ, tài liệu thiết kế/thông số kỹ thuật, bản vẽ, thông tin dữ liệu....
- Thời hạn, tiến độ và địa điểm chuyên giao.
- Các điều kiện thanh toán
- Chương trình đào tạo.
- Bảo hành/Chính sách hậu mãi/Các dịch vụ hỗ trợ
- Chấm dứt hợp đồng.

Giá cả công nghệ:

**3.1. CHI PHÍ CÔNG NGHỆ**

$$C_t = C_e + \sum_i C_i$$

$C_t$ : Chi phí công nghệ của dự án  
 $C_e$ : Giá gốc mua công nghệ  
 $C_i$ : Chi phí cho khoản mục thứ i phục vụ CGCN gồm: Chi phí lắp đặt, chi phí vận chuyển, chi phí vận hành thử, chi phí đào tạo cán bộ vận hành, chi phí bảo dưỡng (nếu có)

**3.2. GIÁ MUA GỐC VÀ CHI PHÍ CÔNG NGHỆ**

**3.2.1. Giá mua gốc CN ( $C_e$ )**

Phụ thuộc vào hình thức tiếp nhận:

- Mua đứt: Bên mua trở thành chủ sở hữu CN.
- Mua licence: Bên mua được sử dụng các kiến thức kỹ thuật, công nghệ trong 1 khoảng thời gian nhất định.

**3.2.2. Chi phí công nghệ (cho 1 dự án -  $C_t$ )**

- Bảng tỷ lệ nhất định so với tổng vốn đầu tư.
- Bảng một tỷ lệ nhất định của doanh thu sản phẩm.
- Bảng tổng giá bán tịnh của sản phẩm.
- Bảng tỷ lệ nhất định so với lợi nhuận thu được.
- Bảng tỷ lệ nhất định của lợi nhuận phụ thêm.
- Trên cơ sở thoả thuận giữa các bên.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

**4. CHU TRÌNH PHÁT TRIỂN CN Ở MỘT QUỐC GIA**



**5. LỢI ÍCH VỀ CGCN**

Bên giao	Bên nhận	
	Chính phủ	Công ty mua công nghệ
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tạo danh tiếng.</li> <li>▪ Buộc bên tiếp nhận phải phụ thuộc.</li> <li>▪ Tăng thu nhập.</li> <li>▪ Phát triển thị trường mới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tạo việc làm chất lượng cao</li> <li>▪ Tăng thu NS.</li> <li>▪ Khắc phục tình trạng CN lạc hậu.</li> <li>▪ Tận dụng nguyên liệu địa phương.</li> <li>▪ Tạo môi trường thu hút ĐTNN.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Tăng thêm lợi nhuận</li> <li>▪ Tiết kiệm; tránh rủi ro</li> <li>▪ Nâng chất lượng lao động.</li> <li>▪ Tạo ra sản phẩm mới.</li> <li>▪ Thiết lập quan hệ với đối tác nước ngoài và thị trường nước ngoài.</li> </ul>

**6. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA CHƯƠNG 5**

- Tiếp thu công nghệ mới là tất yếu khách quan đối với 1 quốc gia.
- Trong điều kiện chưa đủ tiềm lực về vốn và kỹ thuật phải NK công nghệ.
- Quá trình CGCN cần lưu ý đến:
  - NK công nghệ mới, thích hợp với điều kiện KT trong nước.
  - Ước đoán chi phí công nghệ phù hợp năng lực đầu tư.
  - Giá cả công nghệ chấp nhận được.
  - Nên thuê tư vấn

### TÌNH HÌNH ĐTQT TẠI VN

#### 1. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU TIẾP NHẬN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

##### 1.1. QUAN ĐIỂM “HAI BÊN CÙNG CÓ LỢI”

- DN có vốn ĐTNN là 1 bộ phận hữu cơ của KT VN.
- Đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư
- Đảm bảo quyền tự chủ của nhà đầu tư
- Bảo vệ lợi ích quốc gia
- Triệt để khai thác thế mạnh của nước ngoài

##### 1.2. MỤC ĐÍCH TIẾP NHẬN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI:

- Bổ sung nguồn vốn đầu tư trong nước
- Tiếp thu công nghệ mới.
- Sử dụng có hiệu quả tiềm năng của đất nước

Những quy định về tài chính

- Các loại thuế phải nộp:

$$\text{Thuế phải nộp} = \sum (G \times K)$$

Trong đó G là trị giá tính thuế, K là thuế suất. (G và K thay đổi tùy theo loại thuế).

- Tiền thuê mặt đất, mặt nước – mặt biển (Nghị định số 142/NĐ-CP của Chính phủ tháng 11/2005 qui định về đơn giá thuê đất và khung giá cho thuê đất - mặt nước): Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

$$\text{Thuế phải nộp} = \text{TNCT} \times T.$$

- TNCT là Thu nhập chịu thuế =  $G - (V + C)$
- G là Giá chuyển nhượng
- V là Giá trị ban đầu của phần vốn chuyển nhượng.
- C là tổng chi phí chuyển nhượng
- T là thuế suất thuế TNDN (28%).

#### 2. TÍNH CẦN THIẾT KHÁCH QUAN CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU LUẬT ĐẦU TƯ

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

Luật đầu tư là căn cứ để:

- Chủ đầu tư tuân thủ những quy định của luật pháp
- Chủ đầu tư lập dự án và thực hiện quá trình đầu tư.
- Nhà nước thẩm định và phê duyệt dự án.
- Chính quyền địa phương hỗ trợ nhà đầu tư.

**3. ĐẦU TƯ CỦA TƯ BẢN TƯ NHÂN NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM**

FDI tại VN (3 giai đoạn):

- Từ 1990 đến 1996: tốc độ tăng vốn 30-40%/năm
- Từ 1997 đến 2001: tốc độ thu hút ĐTNN chậm lại
- Từ 2001 đến 2005: tốc độ và chất lượng tăng lên.

Năm	Vốn đăng ký	Vốn thực hiện	Năm	Vốn đăng ký	Vốn thực hiện
88 – 90	1.582	399	1999	4.667	2.197
1991	1.388	221	2000	2.016	1.519
92	2.271	398	2001	2.536	2.300
93	2.652	1.106	2002	2.790	2.345
94	4.071	1.952	2003	3.100	
95	6.616	2.652	2004	4.200	2.850
96	8.640	3.250	2005	6.100	3.500
97	4.524	2.950			
98	3.897	2.364			

Đến hết năm 2004 có 5.110 dự án FDI, tổng vốn 45,8 tỉ USD hoạt động ở VN.

Chất lượng đầu tư ngày càng tăng

- Quy mô bình quân 1 dự án ngày càng tăng
- Nhiều dự án tập trung vào lĩnh vực trọng yếu và địa bàn trọng điểm.
- VN ngày càng trở nên hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt đối với những nước công nghiệp phát triển, nơi có những MNC phát triển với tốc độ cao.

**4. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI NỀN KT VN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

- Giúp DN VN tăng vốn.
- Đóng góp cao vào tốc độ tăng trưởng KT
  - Là động lực phát triển công nghiệp
  - Chiếm tỷ trọng đáng kể trong nộp NS
  - Giải quyết việc làm cho người lao động
  - Là đòn bẩy tăng trưởng KT của VN
  - Là cầu nối XK hàng VN ra nước ngoài

**5. DOANH NGHIỆP VN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI**

Kinh nghiệm đầu tư ra nước ngoài:

- Chọn thị trường đầu tư chủ yếu ở một số nước đang phát triển.
- Hình thức đầu tư thiên về lập những dây chuyền lắp ráp thiết bị đơn giản.
- Xúc tiến đầu tư với các nhà đầu tư cùng quốc tịch.
- Khuyến khích DN đầu tư xây dựng KCX – KCN
- Chính phủ nước XK vốn tạo quyền chủ động cho các doanh nghiệp trong việc đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài.

Đầu tư ra nước ngoài của DN VN

Theo xu hướng chung của đầu tư quốc tế: đa phương hoá quan hệ ĐT/đa dạng hoá loại hình ĐT.

- Đầu tư ra nước ngoài của DN VN là việc DN VN đưa vốn bằng tiền, tài sản khác ra nước ngoài để đầu tư trực tiếp ở nước ngoài.
- DN VN đầu tư ra nước ngoài góp phần mở rộng và nâng cao hiệu quả của hợp tác kinh tế, kỹ thuật và thương mại với nước ngoài
- Tốc độ gia tăng các DA ĐT ra nước ngoài chậm
- Hình thức đầu tư: Hợp tác kinh doanh; Liên doanh; 100% vốn VN.

Đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp VN

	TS	2002	2004	2005
Số DA	126	64	17	13
Tổng vốn ĐT (Tr.USD)	260	52	11	367

Qui định về đầu tư ra nước ngoài

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

- Doanh nghiệp được đầu tư ra nước ngoài:
  - DN thành lập theo luật doanh nghiệp nhà nước.
  - HTX thành lập theo luật HTX.
  - DN thành lập theo luật công ty.
  - DN thành lập theo luật doanh nghiệp tư nhân.
- Điều kiện được phép đầu tư ra nước ngoài:
  - Dự án đầu tư ra nước ngoài có tính khả thi.
  - Có đủ năng lực tài chính.
  - Thực hiện đủ các nghĩa vụ tài chính.
- Vốn đầu tư ra nước ngoài: máy móc, thiết bị, bộ phận rời vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, giá trị quyền sở hữu công nghiệp, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, ngoại tệ...
- Thời hạn cấp giấy phép: không quá 30 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ dự án
- Hồ sơ xin phép đầu tư ra nước ngoài:
  - Đơn xin đầu tư ra nước ngoài.
  - Bản sao quyết định thành lập doanh nghiệp.
  - Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
  - Văn bản cho phép đầu tư của nước tiếp nhận đầu tư
  - Hợp đồng thoả thuận đầu tư/hợp đồng LD với đối tác nước sở tại.
  - Giải trình KT kỹ thuật của dự án,
- Thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài:
  - Thủ tướng quyết định dự án từ 1 triệu USD trở lên.
  - Bộ trưởng Bộ KH & ĐT quyết định đối với dự án còn lại.

**6. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VÀ TIẾP NHẬN ODA TẠI VN**

- Từ 1950, VN đã nhận được nhiều khoản viện trợ, trong đó có nguồn ODA.
- Từ 1975 – 1990 VN đã nhận khoảng 2,318 tỉ USD ODA song phương và 1,6 tỉ USD ODA đa phương
- Từ 1993 đến nay VN đã có những cải cách KT phù hợp với yêu cầu phát triển của KT thế giới ⇒ ODA dành cho VN ngày càng tăng

**6.1. TÌNH HÌNH HUY ĐỘNG VÀ TIẾP NHẬN ODA TẠI VN**

Năm	Vốn cam kết	Giải ngân	Năm	Vốn cam kết	Giải ngân
1993	1,81	0,413	2000	2,40	1,66

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

1994	1,94	0,725	2001	2,40	1,50
1995	2,26	0,737	2002	2,50	1,53
1996	2,43	0,900	2003	2,83	1,42
1997	2,40	1,015	2004	3,44	1,55
1998	2,20	1,242	2005	3,747	1,70
1999	2,21	1,35			

6.2.



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA

### QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

#### 6.3. GIẢI NGÂN VÀ SỬ DỤNG

Cơ cấu ngành:

- Giao thông vận tải được đầu tư lớn nhất: 27%
- Năng lượng điện: 25%
- Phát triển nông nghiệp, nông thôn và miền núi
- Y tế, xã hội, giáo dục - đào tạo
- Hỗ trợ ngân sách, phục vụ quá trình chuyển đổi cơ cấu KT, cải cách doanh nghiệp nhà nước

#### 6.4. TÁC DỤNG CỦA ODA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KT VN

- Giúp VN rút ngắn khoảng cách lạc hậu so với các nước khác.
- Hỗ trợ VN cải cách KT theo hướng thị trường, khai thác thêm vốn
- Đào tạo chuyên ngành miễn phí cho các DNVN
- Xây dựng những công trình hạ tầng KT chủ chốt
- Hỗ trợ cải tổ bộ máy và cơ chế quản lý nhà nước
- Hỗ trợ đẩy nhanh quá trình hội nhập KT thế giới.

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA

### QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

#### PHẦN 2

### ĐỰ ÁN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

#### 1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

- Dự án là một bộ hồ sơ tập hợp những ý kiến đề xuất về một đối tượng nào đó và giải trình về kết quả, những mục tiêu đạt được của đối tượng đó.
- Dự án đầu tư: là bộ hồ sơ tập hợp những ý tưởng, kế hoạch, ý kiến đề xuất về việc bỏ vốn đầu tư vào một đối tượng và giải trình về những kết quả thu được của việc đầu tư. (chưa phải là tập hợp những hoạt động của nhà đầu tư).

Có 2 mức độ:

- Dự án tiền khả thi
- Dự án khả thi

#### 2. NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

- Dự án đầu tư quốc tế là một bộ hồ sơ - tài liệu hệ thống về một kế hoạch hoạt động kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định của nhà đầu tư nước ngoài ở nước sở tại.
- Dự án đầu tư mang tính chất quốc tế.

⇒ Có một số khác biệt giữa DN FDI và DN trong nước

Khác biệt giữa DN FDI và DN trong nước

Các tiêu chí	Doanh nghiệp có vốn ĐTNN	Doanh nghiệp trong nước
Nguồn vốn đầu tư	Từ nước ngoài hoặc kết hợp nguồn vốn trong nước và nước ngoài	Từ các nguồn trong nước
Vốn đầu tư	- Ngoại tệ hoặc có một phần nội tệ, một phần ngoại tệ. - Bên nước sở tại thường góp vốn là giá trị quyền sử dụng đất.	Nội tệ
Chủ đầu tư	Người nước ngoài	Công dân nước sở tại
Thành viên HĐQT	Có sự tham gia của đối tác nước ngoài (số thành viên	Chỉ có các thành viên là Công dân nước sở tại.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

	trong hội đồng quản trị tuân theo tỉ lệ góp vốn)	
Quyền sở hữu DN	Thuộc chủ đầu tư nước ngoài hoặc đa sở hữu nhưng có sự tham gia của chủ sở hữu nước ngoài.	Thuộc nước sở tại.

- Chuẩn bị DA:
  - Xác định dự án: Cơ sở hình thành dự án.
  - Tìm đối tác, đàm phán và ký hợp đồng đầu tư

Chú ý về đối tác là người nước ngoài hoặc 1 pháp nhân ở nước sở tại
- Nội dung một dự án đầu tư khá thi:
  - Giới thiệu các bên đối tác
  - Xác định căn cứ/mục tiêu D.A
  - Phương án sản xuất và dự kiến thị trường tiêu thụ
  - Chương trình SX - KD
  - Công nghệ và thiết bị
  - Địa điểm và mặt bằng
  - Xây dựng và kiến trúc
  - Cơ cấu tổ chức.
  - Ước tính lao động-tiền lương.
  - Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư.
  - Đánh giá về tài chính
  - Phân tích hiệu quả KT – XH
  - Kết luận và kiến nghị.

Những điểm cần lưu ý đối với dự án đầu tư quốc tế
- Nội dung phải thể hiện được 4 điểm chính:
  - Mục tiêu của dự án (đối với nhà đầu tư; đối với bên tiếp nhận).
  - Các hoạt động của nhà đầu tư ở nước sở tại.
  - Các nguồn lực được sử dụng trong dự án, sự kết hợp giữa các nguồn lực trong và ngoài nước.
  - Kết quả cụ thể của hoạt động đầu tư
- Các đặc trưng cơ bản của một dự án đầu tư quốc tế:
  - Tính đa quốc tịch trong dự án.
  - Tính đa ngôn ngữ trong dự án.
  - Chịu chi phối đồng thời của nhiều hệ thống pháp luật

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET**

- Vốn đầu tư rất đa dạng: các bên có thể góp vốn bằng tiền mặt, bằng giá trị quyền sử dụng đất, bằng tài sản hữu hình, tài sản vô hình...
  - Hầu hết các dự án đầu tư quốc tế đều có gắn với chuyên giao công nghệ
- ⇒ Quá trình chuẩn bị tiếp nhận công nghệ.  
⇒ Chuẩn bị nhân lực.

### 3. HỒ SƠ DỰ ÁN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

- Đơn xin duyệt dự án do chủ đầu tư gửi trực tiếp lên cấp có quyền quyết định cho phép đầu tư.
- Những văn bản chứng minh tính tồn tại hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài
- Ý kiến của các cơ quan quản lý trực tiếp.
- Ý kiến của đơn vị quản lý lãnh thổ và các ngành khác có liên quan.
- Các căn cứ có giá trị pháp lý về khả năng huy động vốn và các bản giải trình bổ sung...
- Biên bản họp Hội đồng quản trị.
- Biên bản họp các thành viên góp vốn
- Bản nghiên cứu (dự án) khá thi.
- Các phụ lục như: bản vẽ, bản đồ, sơ đồ...
- Hợp đồng giữa các bên đối tác.

### 4. THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Thẩm định dự án đầu tư là quá trình thẩm tra, xét duyệt dự án, trên cơ sở phân tích những chỉ tiêu bằng các biện pháp kỹ thuật; nhằm đánh giá tính khả thi và hiệu quả của dự án. Từ đó ra quyết định đầu tư một cách chính xác và phù hợp.

⇒ Chú ý yêu cầu “hai bên cùng có lợi” và “bảo đảm tính độc lập, tự chủ” của bên nhận đầu tư

Những nội dung thẩm định

- Tư cách pháp lý và năng lực tài chính của chủ đầu tư các bên đối tác
- Sự phù hợp của dự án với quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội: Những Dự án Đặc biệt khuyến khích đầu tư:
  - Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Xử lý và chế biến các sản phẩm chất thải.
- Sản xuất vật liệu mới, vật liệu quý hiếm.
- Ứng dụng công nghệ mới về sinh học.
- Công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông.
- Công nghệ điện tử, công nghệ tin học đạt tiêu chuẩn qui định của Bộ Khoa học – Công nghệ.
- Lợi ích của Nhà nước VN và bên VN:
  - Khả năng tạo năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới
  - Khả năng tạo việc làm cho người lao động.
  - Góp phần phát triển các ngành, đóng góp cho thị trường tiêu dùng/XK.
  - Nguồn thu tài chính.
- Tính hợp lý của việc sử dụng đất và phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, định giá tài sản góp vốn của bên VN:
- Trình độ kỹ thuật và công nghệ áp dụng:
  - Dự án có sử dụng công nghệ hợp lý hay không?
  - Đặc biệt ảnh hưởng xấu/tốt đối với môi trường:
    - ◆ Những ảnh hưởng làm thay đổi hoặc tác động đến an toàn môi trường sinh thái.
    - ◆ Những ảnh hưởng gây ô nhiễm, mức độ ô nhiễm môi trường.
    - ◆ Biện pháp xử lý và kết quả sau khi xử lý.
    - ◆ Các chỉ tiêu khác như tiếng ồn, độ rung động, nhiệt độ, độ ẩm

Quản lý công nghệ nhập khẩu

- Bảo đảm đạt trình độ tiên tiến ngang bằng các nước trên thế giới và trong khu vực, nhưng phù hợp với yêu cầu phát triển KT của VN, giá cả hợp lý.
- Nghị định số 11/2005 của Ch/p (2/2/2005) qui định 4 loại CN không được chuyển giao:
  - CN có tác động xấu và gây hậu quả xấu đến văn hóa, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội của VN.
  - CN không đem lại hiệu quả KT – kỹ thuật, hoặc xã hội.
  - CN phục vụ an ninh quốc phòng khi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.
  - CN không đáp ứng yêu cầu trong các qui định của NN về an toàn lao động, vệ sinh lao động và sức khỏe con người, bảo vệ môi trường.

Phân cấp thẩm định DADT

- Có 3 nhóm dự án: nhóm A, nhóm B và nhóm C. Dự án nhóm A thường là:

---

TS. HÀ THỊ NGỌC OANH  
NĂM 2006

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

- Các Dự án đặc biệt (Thuộc phạm vi bảo mật QG; thuộc các ngành: Sản xuất chất độc hại, chất nổ; Khai thác khoáng sản quý hiếm; xây dựng KCX – KCN và dự án có qui mô lớn)
- Mức vốn đầu tư lớn (> 400 tỷ VND # 40 tr.USD)
- Có 4 cấp thẩm định dự án:
  - TTg chính phủ (nhóm A)
  - Bộ KH – ĐT
  - UBND tỉnh
  - Ban quản lý KCX – KCN (nhóm C)

Luật đầu tư có hiệu lực từ 1/7/2006

- DA dưới 5 tỉ VND: thông báo trên mạng hoặc gọi E-mail đến nơi đăng ký đầu tư.
- Trên 5 tỉ VND đến 300 tỉ VND (20 tr.USD): nhà đầu tư phải đăng ký đầu tư, sau 7 ngày cơ quan quản lý đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
- Trên 300 tỉ VND (20 tr.USD): cơ quan quản lý đầu tư sẽ thẩm định trước khi cấp giấy phép đầu tư.

Theo lộ trình BTA VN cam kết áp dụng các thủ tục đăng ký đơn giản để cấp giấy phép đầu tư cho các công ty Hoa Kỳ:

- (10/10/2001 đến 10/10/2007): áp dụng đối với các DA trong lĩnh vực sản xuất có vốn đầu tư tối đa 20 triệu USD.
- (10/10/2001 đến 10/10/2010): áp dụng đối với các DA khác (trừ lĩnh vực văn hóa, phát thanh, truyền hình, các dự án liên quan đến phát triển cơ sở hạ tầng...)

---

In 2.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm. Tái bản lần 2, ngày 26 tháng 8 năm 2006.  
Lưu hành nội bộ.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TỪ XA  
QUA TRUYỀN HÌNH - TRUYỀN THANH – MẠNG INTERNET

**MỤC LỤC**

PHẦN 1	: ĐẦU TƯ QUỐC TẾ .....	4
CHƯƠNG 1	: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG .....	4
CHƯƠNG 2	: CÁC HÌNH THỨC ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ TÁC DỤNG CỦA CHÚNG .....	8
CHƯƠNG 3	: CÁC KHU KT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐTQT .....	16
CHƯƠNG 4	: VIỆN TRỢ QUỐC TẾ .....	22
CHƯƠNG 5	: NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ .....	27
CHƯƠNG 6	: TÌNH HÌNH ĐTQT TẠI VN .....	33
PHẦN 2	: DỰ ÁN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ .....	39